

QUYẾT ĐỊNH

**Về công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Nội vụ
thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp
trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các
Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số
92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định
của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về
thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 150/TTr-SNV ngày 31
tháng 5 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Nội vụ
thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa
bàn tỉnh Kon Tum với **132** thủ tục hành chính (*cấp tỉnh: 88 thủ tục; cấp huyện:
30 thủ tục; cấp xã: 14 thủ tục*) (*có danh mục thủ tục hành chính kèm theo*).

Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan,
đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê
duyet quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo các nội dung
được công bố theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian trình phê
duyet quy trình nội bộ chậm nhất sau 10 (mười) ngày kể từ ngày Quyết định
công bố danh mục thủ tục hành chính có hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ các Quyết định sau:

- Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Nội vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thay thế và bãi bỏ ngành Nội vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính ngành Nội vụ thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, VP Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Viễn thông Kon Tum;
- Bưu điện tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC.VTH

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA NGÀNH NỘI VỤ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 311 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (88 TTHC)

TT	Tên lĩnh vực/ Tên thủ tục hành chính/mã số thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Trực tiếp	Trực tuyến	Bru chính công ích
I	Lĩnh vực Công chức, viên chức (08 TTHC)							
01	Thủ tục thi nâng ngạch công chức/ 2.002157.000 .00.00.H34	- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chấm thi, Hội đồng thi nâng ngạch công chức phải báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức về kết quả chấm thi; đồng thời công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức và gửi thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý công chức về điểm thi của công chức dự thi nâng ngạch để thông báo cho	Theo thông báo của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức	Phí dự thi nâng ngạch công chức: 1. Nâng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: - Dưới 50 thí sinh: 1.400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 50 đến dưới 100 thí sinh: 1.300.000 đồng/thí	- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; - Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày	x		x

		<p>công chức dự thi được biết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả điểm thi, công chức dự thi có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả điểm bài thi môn kiến thức chung, môn ngoại ngữ, môn tin học (trong trường hợp thi trắc nghiệm trên giấy) và bài thi viết môn chuyên môn, nghiệp vụ. Hội đồng thi nâng ngạch công chức có trách nhiệm thành lập Ban chấm phúc khảo và tổ chức chấm phúc khảo, công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định tại khoản này. - Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả chấm phúc khảo, Hội đồng thi nâng ngạch báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức và danh sách công chức trúng tuyển. - Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch, Hội đồng thi nâng ngạch công chức có trách nhiệm thông báo kết quả 		<p>sinh/lần dự thi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 100 thí sinh trở lên: 1.200.000 đồng/thí sinh/lần dự thi. 2. Nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương: <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi. 3. Phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi. 	<p>09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức; - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên 			
--	--	---	--	---	--	--	--	--

		thi và danh sách công chức trúng tuyển bằng văn bản tới cơ quan quản lý công chức có công chức tham dự kỳ thi.			chức.			
02	Thủ tục thi tuyển công chức/ 1.005384.000 .00.00.H34	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng. - Thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng. Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. - Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi 	Theo Thông báo của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng	<ul style="list-style-type: none"> a) Phí dự thi tuyển công chức: <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi. b) Phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; - Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính; - Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và 	x	Mức độ 4	x

		<p>vòng 1.</p> <p>Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho thí sinh được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.</p> <p>Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau:</p> <p>Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1;</p> <p>Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng;</p> <p>Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm</p>			<p>Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức;</p> <p>- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.</p>			
--	--	--	--	--	--	--	--	--

	<p>phúc khảo để thí sinh dự thi được biết.</p> <p>Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.</p> <p>- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.</p> <p>Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.</p> <p>- Sau khi hoàn thành việc chấm thi vòng 2 theo quy định, chậm nhất 05 ngày làm việc, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng.</p>						
--	---	--	--	--	--	--	--

	<ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định tuyển dụng và gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký.- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển						
--	--	--	--	--	--	--	--

		dụng, người được tuyển dụng vào công chức phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức đồng ý gia hạn.						
03	Thủ tục xét tuyển công chức/ 2.002156.000 .00.00.H34	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin điện tử hoặc công thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng. - Thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng. Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. - Chậm nhất 05 ngày làm việc 	Theo Thông báo của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng	<p>Phí dự thi tuyển công chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 100 đến 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; - Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính. - Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ 	x	Mức độ 4	x

		<p>sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự phỏng vấn tại vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức phỏng vấn tại vòng 2. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn tại vòng 2. - Sau khi hoàn thành việc chấm thi vòng 2 theo quy định, chậm nhất 05 ngày làm việc, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ 			<p>sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; 			
--	--	--	--	--	--	--	--	--

	<p>quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định tuyển dụng và gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký.- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công							
--	--	--	--	--	--	--	--	--

		chức đồng ý gia hạn.						
04	Thủ tục tiếp nhận vào làm công chức/ 1.005385.000 .00.00.H34	Không quy định	Qua đường công văn	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; - Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính. - Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 	X		X

					<p>của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức.</p> <p>- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;</p>			
05	<p>Thủ tục thi tuyển viên chức/ 1.005388.000.00.00.H34</p>	<p>- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.</p> <p>- Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.</p> <p>- Trường hợp người dự tuyển</p>	<p>Theo thông báo của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng</p>	<p>Phí dự tuyển dụng viên chức:</p> <p>- Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi;</p> <p>- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh/lần dự thi;</p> <p>- Từ 500 thí</p>	<p>- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ</p>	x	Mức độ 4	x

		<p>không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 1. - Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1; - Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi trên trang thông tin điện tử hoặc công thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng; - Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc 		<p>sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi.</p>	<p>về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức - Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức. 			
--	--	--	--	---	--	--	--	--

		<p>khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo đề thi sinh dự thi được biết;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày. - Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng. - Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi trong trường hợp thi vòng 2 bằng hình thức thi viết. Người 						
--	--	--	--	--	--	--	--	--

		đúng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định.						
06	Thủ tục xét tuyển viên chức/ 1.005392.000.00.00.H34	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng. - Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng. - Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. 	Nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng 	x	Mức độ 4	x

		<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày. - Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi trong trường hợp thi vòng 2 bằng hình thức thi viết. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định. 			<p>ngạch, thăng hạng công chức, viên chức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức. 			
07	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức/ 1.005393.000 .00.00.H34	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử 	Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan tuyển dụng	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Luật sửa đổi, bổ sung 	x		x

		<p>của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng. - Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. - Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày. - Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự sát hạch, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức sát hạch. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết công khai kết quả, 			<p>một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức - Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức 			
--	--	---	--	--	--	--	--	--

		<p>người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi trong trường hợp thi bằng hình thức thi viết. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định.</p> <p>- Người đứng đầu, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức có văn bản đề nghị người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức công nhận kết quả tiếp nhận vào viên chức. Văn bản đề nghị do người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ký, trong đó nêu rõ vị trí việc làm cần tuyển dụng và kèm theo biên bản họp Hội đồng kiểm tra, sát hạch và hồ sơ của từng trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét đặc cách.</p>						
08	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức/	- Trước ngày thi hoặc xét thăng hạng ít nhất 15 ngày, Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng gửi thông báo triệu tập thí sinh dự thi hoặc xét, thông báo cụ thể thời	Nộp trực tiếp tại cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thăng hạng	a) Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I:	- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	x		x

1.005394.000 .00.00.H34	<p>gian, địa điểm tổ chức ôn tập (nếu có) và địa điểm tổ chức thi hoặc xét cho các thí sinh có đủ điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng.</p> <p>- Trước ngày thi 01 ngày, Hội đồng thi niêm yết danh sách thí sinh theo số báo danh và theo phòng thi hoặc xét, sơ đồ vị trí các phòng thi hoặc xét, nội quy, hình thức, thời gian thi hoặc xét thăng hạng.</p>	<p>chức danh nghề nghiệp viên chức</p>	<p>- Dưới 50 thí sinh: 1.400.000 đồng/thí sinh/lần</p> <p>- Từ 50 đến dưới 100 thí sinh: 1.300.000 đồng/thí sinh/lần</p> <p>- Từ 100 thí sinh trở lên: 1.200.000 đồng/thí sinh/lần</p> <p>b) Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III:</p> <p>- Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần</p> <p>- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần</p> <p>- Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí</p>	<p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.</p> <p>- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức</p> <p>- Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức.</p>			
----------------------------	--	--	---	--	--	--	--

				sinh/lần c) Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi				
II	Lĩnh vực Tổ chức - Biên chế (12 TTHC)							
09	Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm/ 1.009339.000.00.00.H34	Trong 40 (bốn mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum)	Không	Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức	x		x
10	Thủ tục thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm/ 1.009340.000.00.00.H34	Trong 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x		x
11	Thủ tục thẩm định đề án vị trí việc làm (Sự nghiệp công lập)/ 1.009352.000.00.00.H34	Trong 40 (bốn mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công.	x	x	x
12	Thủ tục thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm (Sự nghiệp công lập)/ 1.009353.000.00.00.H34	Trong 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công.	x	x	x
13	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập/ 1.003735.000.00.00.H34	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại,	x	Mức độ 4	x

		hồ sơ hợp lệ	tỉnh		giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ			
14	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập/ 2.001941.000.00.00.H34	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ	x	Mức độ 4	x
15	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập/ 2.001946.000.00.00.H34	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ	x	Mức độ 4	x
16	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính/ 1.009331.000.00.00.H34	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính	x	x	x
17	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính/ 1.009332.000.00.00.H34	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính	x	x	x
18	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính/ 1.009333.000.00.00.H34	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính	x	x	x
19	Thủ tục thẩm định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần chi	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị	x	x	x

	thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên/ 1.009354.000.00.00.H34				sự nghiệp công lập			
20	Thủ tục thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên/ 1.009355.000.00.00.H34	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	x	x	x
III	Lĩnh vực Chính quyền địa phương (02 TTHC)							
21	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã/ 1.000989.000.00.00.H34	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp pháp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.	x	Mức độ 3	x
22	Thủ tục thành lập thôn mới, tổ dân phố mới/ 2.000465.000.00.00.H34	Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và hồ sơ kèm theo	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. - Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của bộ trưởng bộ nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân	x	x	x

					phố. - Thông tư số 01/VBHN-BNV ngày 16/4/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.			
IV	Lĩnh vực Công tác thanh niên (03 TTHC)							
23	Thủ tục Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh/ 2.001683.000.0 0.00.H34	Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ. - Thông tư số 18/2014/TT-BNV ngày 25/11/2014 của Bộ Nội vụ.	x	Mức độ 3	x
24	Thủ tục Thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh/ 2.001717.000.0 0.00.H34	Trong 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong. - Thông tư số 11/2011/TT-BNV ngày 26/9/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong (Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9)	x	Mức độ 3	x
25	Thủ tục Giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh/ 1.003999.000.0 0.00.H34	Trong 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong. - Thông tư số 11/2011/TT-BNV ngày 26/9/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong (Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9)	x	Mức độ 3	x

V Lĩnh vực Tổ chức Phi chính phủ (17 TTHC)								
26	Thủ tục Đổi tên quỹ/ 1.003879.000.0 0.00.H34	15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.	x	Mức độ 4	x
27	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động/ 1.003950.000.0 0.00.H34	15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.	x	x	x
28	Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ/ 1.003916.000.0 0.00.H34	15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.	x	x	x
29	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ/	30 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày	x	x	x

	1.003621.000.0 0.00.H34				25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.			
30	Thủ tục Đổi tên hội/ 2.001678.000.0 0.00.H34	Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.	x	Mức độ 3	x
31	Thủ tục Phê duyệt điều lệ hội/ 1.003960.000.0 0.00.H34	Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ	x	Mức độ 4	x

					chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.			
32	Thủ tục Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường/ 1.003900.000.0 0.00.H34	Trong 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. 	x	Mức độ 4	x
33	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ/ 2.001590.000.0 0.00.H34	30 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện 	x	x	x

34	Thủ tục quỹ tự giải thể 1.003866.000.0 0.00.H34	15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính của quỹ khi quỹ tự giải thể mà không có đơn khiếu nại	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện	x	x	x
35	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ/ 1.003920.000.0 0.00.H34	30 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện	x	Mức độ 3	x
36	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ/ 2.001567.000.0 0.00.H34	15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện	x	Mức độ 3	x
37	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ/ 1.003822.000.0	40 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày	x	Mức độ 3	x

	0.00.H34				25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện			
38	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện/ 1.003858.000.0 0.00.H34	Trong 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. 	x	Mức độ 3	x
39	Thủ tục Hội tự giải thể/ 1.003918.000.0 0.00.H34	Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 	x	Mức độ 3	x

					21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.			
40	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội/ 2.001688.000.0 0.00.H34	Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. 	x	x	x
41	Thủ tục thành lập hội/ 2.001481.000.0 0.00.H34	Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ số 70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; 	x	Mức độ 4	x

			Tum)		- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.			
42	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội/ 1.003503.000.0 0.00.H34	Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.	x	Mức độ 3	x
VI	Lĩnh vực Tôn giáo (35 TTHC)							

43	Thủ tục Đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xoá án tích/ 1.001854.000.00.00.H34	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	X		X
44	Thủ tục Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh/ 1.001807.000.00.00.H34	30 ngày kể từ ngày Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	X		X
45	Thủ tục Đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc/ 1.001797.000.00.00.H34	30 ngày kể từ ngày Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	X		X
46	Thủ tục Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh/ 1.001775.000.00.00.H34	60 ngày kể từ ngày Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	X		X

47	Thủ tục Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương/ 2.000713.000.00.00.H34	45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
48	Thủ tục Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức/ 1.001550.000.00.00.H34	45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
49	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc/ 2.002167.000.00.00.H34	Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín	x	Mức độ 4	x

					ngưỡng, tôn giáo.			
50	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh/ 1.001894.000.00.00.H34	60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ (địa chỉ Tầng 7, Tòa nhà A, Trung tâm hành chính tỉnh Kon Tum)	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
51	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh/ 1.001875.000.00.00.H34	60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ (địa chỉ Tầng 7, Tòa nhà A, Trung tâm hành chính tỉnh Kon Tum)	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
52	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam/ 1.001843.000.00.00.H34	30 ngày, kể từ ngày Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ (địa chỉ Tầng 7, Tòa nhà A, Trung tâm hành chính tỉnh Kon Tum)	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
53	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh/ 1.001832.000.00.00.H34	30 ngày kể từ ngày Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ (địa chỉ Tầng 7, Tòa nhà A, Trung tâm hành chính	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x

			tỉnh Kon Tum)					
54	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh/ 1.001818.000.00.00.H34	30 ngày kể từ ngày Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ (địa chỉ Tầng 7, Tòa nhà A, Trung tâm hành chính tỉnh Kon Tum)	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
55	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh/ 1.000766.000.00.00.H34	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ (địa chỉ Tầng 7, Tòa nhà A, Trung tâm hành chính tỉnh Kon Tum)	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
56	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh/ 1.001610.000.00.00.H34	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ (địa chỉ Tầng 7, Tòa nhà A, Trung tâm hành chính tỉnh Kon Tum)	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
57	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh/ 1.001886.000.00.00.H34	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ	x		x

					quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.			
58	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức/ 1.000788.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	Mức độ 4	x
59	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP/ 1.000780.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	Mức độ 4	x
60	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo/ 1.000654.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	Mức độ 4	x
61	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo/ 1.000638.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín	x	Mức độ 4	x

					ngưỡng, tôn giáo.			
62	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo/ 2.000269.000.00.00.H34	20 ngày kể từ ngày Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
63	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh/ 2.000264.000.00.00.H34	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
64	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo/ 1.000604.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	Mức độ 4	x
65	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh/ 1.000587.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	Mức độ 4	x

66	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo/ 1.000535.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	x	x
67	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo/ 1.000517.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	Mức độ 4	x
68	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo/ 1.000415.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	Mức độ 4	x
69	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành/ 1.001642.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín	x	Mức độ 4	x

					ngưỡng, tôn giáo.			
70	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo/ 1.001640.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	Mức độ 4	x
71	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh/ 1.001637.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	Mức độ 4	x
72	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo/ 2.000456.000.00.00.H34	30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
73	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh/	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ	x	Mức độ 4	x

	1.001628.000.00.00.H34				quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.			
74	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh/ 1.001626.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	Mức độ 4	x
75	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh/ 1.001624.000.00.00.H34	Ngay sau khi Sở Nội vụ nhận được văn bản thông báo hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	Mức độ 4	x
76	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh/ 1.001604.000.00.00.H34	30 ngày kể từ ngày Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
77	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh/	30 ngày kể từ ngày Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín	x		x

	1.001589.000.00.00.H34				ngưỡng, tôn giáo.			
VII	Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng (08 TTHC)							
78	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề/ 2.000437.000.00.00.H34	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 25 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Sau khi nhận quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng. 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày năm 2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; 	x	Mức độ 4	x
79	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất/	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 25 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Sau khi nhận quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 và Quyết định 01/2021/QĐ-UBND ngày 	x	Mức độ 4	x

	2.000422.000.00.00.H34	quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.			15/01/2021 của UBND tỉnh Kon Tum.			
80	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/ 2.000449.000.00.00.H34	- Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 25 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Sau khi nhận quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	Mức độ 4	x
81	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc/ 2.000287.000.00.00.H34	- Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 25 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Sau khi nhận quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	Mức độ 4	x
82	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn	- Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 25 ngày	Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày năm	x	Mức độ 4	x

	thẻ Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/ 1.000934.000.00.00.H34	làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Sau khi nhận quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.	chính công tỉnh		2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 và Quyết định 01/2021/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh Kon Tum.			
83	Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/ 1.000924.000.00.00.H34	- Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 25 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Sau khi nhận quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	Mức độ 4	x
84	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho gia đình/	- Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 25 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Sau khi nhận quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không		x	Mức độ 4	x

	2.000418.000.00.00.H34	khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.						
85	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại/ 1.000681.000.00.00.H34	<p>- Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 25 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Sau khi nhận quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<p>- Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày năm 2005;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng;</p> <p>- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 /11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.</p> <p>- Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 và Quyết định 01/2021/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh Kon Tum.</p>	x		x

VII I	Lĩnh vực Văn thư và Lưu trữ nhà nước (03 TTHC)							
86	Thủ tục cấp, cấp lại, chứng chỉ hành nghề lưu trữ/ 2.001540.000.00.00.H34	Thời hạn giải quyết 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 của Quốc hội; - Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ; - Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về quản lý chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ. 	x		x
87	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc/ 1.003657.000.00.00.H34	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn phê duyệt và cung cấp tài liệu thuộc diện sử dụng rộng rãi chậm nhất là 01 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận phiếu yêu cầu; - Thời hạn phê duyệt và cung cấp tài liệu thuộc diện hạn chế sử dụng, tài liệu đặc biệt quý, hiếm, chậm nhất là 04 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận Phiếu yêu cầu. 	Kho Lưu trữ lịch sử, thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum (số 240 Bà Triệu, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ theo Thông tư số 30/2004/TT-BTC ngày 07/4/2004 của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 của Quốc hội; - Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ; - Thông tư số 10/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định về việc sử dụng tài liệu tại phòng đọc của các lưu trữ lịch sử; - Thông tư số 30/2004/TT-BTC ngày 07/4/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ; - Quyết định số 744/QĐ-BNV ngày 11/8/2015 của Bộ Nội vụ 	x		x

88	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ/ 1.003649.000.00.00.H34	<p>- Thời hạn phê duyệt và cung cấp tài liệu thuộc diện sử dụng rộng rãi chậm nhất là 01 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận phiếu yêu cầu;</p> <p>- Thời hạn phê duyệt và cung cấp tài liệu thuộc diện hạn chế sử dụng, tài liệu đặc biệt quý, hiếm, chậm nhất là 04 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận Phiếu yêu cầu.</p>	Kho Lưu trữ lịch sử, thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum (số 240 Bà Triệu, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ theo Thông tư số 30/2004/TT-BTC ngày 07/4/2004 của Bộ Tài chính	<p>- Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11/11/2011 của Quốc hội;</p> <p>- Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ;</p> <p>- Thông tư số 10/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định về việc sử dụng tài liệu tại phòng đọc của các lưu trữ lịch sử;</p> <p>- Thông tư số 30/2004/TT-BTC ngày 07/4/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ;;</p> <p>- Quyết định số 744/QĐ-BNV ngày 11/8/2015 của Bộ Nội vụ.</p>	x		x
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (30 TTHC)								
I Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ (09 TTHC)								
01	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường/ 2.002100.000.00.00.H34	Trong 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	<p>- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</p> <p>- Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;</p> <p>- Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt</p>	x	x	x

					động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.			
02	Thủ tục hội tự giải thể/ 1.003732.000. 00.00.H34	Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.	x	x	x
03	Thủ tục đổi tên hội/ 1.003757.000. 00.00.H34	Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.	x	x	x

04	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội/ 1.003783.000. 00.00.H34	Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.	x	x	x
05	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội/ 1.003807.000. 00.00.H34	Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.	x	x	x
06	Thủ tục thành lập hội/ 1.003827.000. 00.00.H34	Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính	x	x	x

		ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	quả cấp huyện		phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.			
07	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội/ 1.003841.000. 00.00.H34	Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.	x	x	x
08	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 09/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ, mức hỗ trợ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe.	x	x	x

	thiệt hại về sức khỏe/ 1.005358.000.00.00.H34							
09	Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe/ 1.005201.000.00.00.H34	Trong 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐT BXH-BTC-BYT ngày 09/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ, mức hỗ trợ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe.	x	x	x
II	Lĩnh vực Tổ chức - Biên chế: 06 TTHC							
10	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập/ 1.003817.000.00.00.H34	Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	x	x	x
11	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập/ 1.003693.000.00.00.H34	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	x	x	x

12	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập/ 1.003719.000.00.00.H34	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	x	x	x
13	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính/ 1.009334.000.00.00.H34	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính	x	x	x
14	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính/ 1.009335.000.00.00.H34	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính	x	x	x
15	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính/ 1.009336.000.00.00.H34	Trong 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Không	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính	x	x	x
III	Lĩnh vực tôn giáo (08 TTTC)							
16	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo/ 1.001228.000.00.00.H34	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	x	x
17	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện/	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện	x	x	x

	2.000267.000.00.00.H34	hợp lệ.			pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.			
18	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện/ 1.000316.000.00.00.H34	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	x	x
19	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện/ 1.001220.000.00.00.H34	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	x	x
20	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện/ 1.001212.000.00.00.H34	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
21	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện/ 1.001204.000.00.00.H34	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x

22	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm họp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện/ 1.001199.000.00.00.H34	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
23	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc/ 1.001180.000.00.00.H34	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	x	x
IV	Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng (07 TTHC)							
24	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề/ 2.000374.000.00.00.H34	Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày năm 2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;	x	x	x
25	Thủ tục tặng Giấy khen của	Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng	Bộ phận tiếp nhận	Không	- Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ	x	x	x

	Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất/ 1.000804.000.00.00.H34	và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	và trả kết quả cấp huyện		quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng; - Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 và Quyết định 01/2021/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh Kon Tum.			
26	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến/ 2.000385.000.00.00.H34	Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không		X	X	X
27	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở/ 1.000843.000.00.00.H34	Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không		X	X	X
28	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến/ 2.000402.000.00.00.H34	Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không		X	X	X
29	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình/ 2.000356.000.00.00.H34	Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không		X	X	X

30	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại/ 2.000364.000.00.00.H34	Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không - Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày năm 2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng; - Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; Quyết	x		x
----	--	--	--	--	---	--	---

					định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 và Quyết định 01/2021/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh Kon Tum.			
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (14 TTHC)							
I	Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)							
01	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng/ 2.000509.000.00.00.H34	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
02	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng/ 1.001028.000.00.00.H34	15 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng nhận được văn bản đăng ký hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
03	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung/ 1.001055.000.00.00.H34	20 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
04	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản thông báo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày	x	x	x

	chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã/ 1.001078.000.00.00. H34	hợp lệ.	quả cấp xã		30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.			
05	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã/ 1.001085.000.00.00. .H34	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	x	x
06	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung/ 1.001090.000.00.00. .H34	15 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung nhận được văn bản đăng ký hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
07	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã/ 1.001098.000.00.00. .H34	15 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x		x
08	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa	20 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, cụ thể:	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi	x		x

	bản xã khác/ 1.001109.000.00.00 .H34	<p>Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến đặt địa điểm mới để sinh hoạt tôn giáo tập trung, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ có trách nhiệm xin ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi địa điểm.</p>			tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.			
09	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung/ 1.001156.000.00.00. H34	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	không	<p>- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016.</p> <p>- Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.</p>	x	x	x

10	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc/ 1.001167.000.00.00.H34	Ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được văn bản thông báo hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016. - Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo.	x	x	x
II	Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng (04 TTHC)							
11	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề/ 2.000346.000.00.00.H34	Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày năm 2005; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng;	x	x	x
12	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất/ 2.000337.000.00.00.H34	Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;	x	x	x
13	Thủ tục tặng Giấy khen của	Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng	Bộ phận tiếp	Không		x	x	x

	Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình/ 1.000748.000.0 0.00.H34	và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	nhận và trả kết quả cấp xã		- Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.			
14	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến/ 2.000305.000.0 0.00.H34	Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 và Quyết định 01/2021/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh Kon Tum.	x	x	x

Tổng cộng: 132 thủ tục hành chính (trong đó, 88 TTHC cấp tỉnh, 30 TTHC cấp huyện, 14 TTHC cấp xã). Cụ thể:

- Đối với TTHC cấp tỉnh: 71 TTHC được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; 09 TTHC được tiếp nhận trực tiếp tại đơn vị thuộc Sở; 07 TTHC được tiếp nhận theo Thông báo của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng, thi tuyển hoặc xét tuyển; 01 TTHC được tiếp nhận qua đường Công văn;
- Đối với TTHC cấp huyện: 30 TTHC được tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện;
- Đối với TTHC cấp xã: 14 TTHC được tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.